

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực thi công xây dựng công trình Cầu cảng số 2 - Bến
cảng PTSC Hòn La

Vùng biển: Tỉnh Quảng Trị.

Tên luồng: Hòn La

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Xét Đơn đề nghị Công bố Thông báo hàng hải số 1527/PTSC-KHĐT ngày 18/9/2026 của Tổng Công ty CP DVKT Dầu khí Việt Nam về việc công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công Công trình Cầu cảng số 2 - Bến cảng PTSC Hòn La theo Gói thầu XL01 - Thi công xây dựng công trình thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cầu cảng số 2 - Bến cảng PTSC Hòn La.

Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị thông báo thiết lập khu vực thi công Công trình Cầu cảng số 2 – Bến cảng PTSC Hòn La được giới hạn bởi các điểm:

Stt	Tên điểm	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 1060, múi chiếu 30		Hệ tọa độ WGS84	
		X (m)	Y (m)	N (độ)	E (độ)
I	Cầu cảng số 2 - Bến cảng PTSC Hòn La				
I.1	Tuyến bến				
1	C3	1,984,368.805	554,534.021	17 ⁰ 56'25,29"N	106 ⁰ 30'59,96"E
2	C4	1,984,304.805	554,507.297	17 ⁰ 56'23,20"N	106 ⁰ 31'02,10"E
I.2	Khu neo đậu tàu				
1	KN4	1,984,271.773	554,565.268	17 ⁰ 56'22,13"N	106 ⁰ 31'01,01"E

2	KN5	1,984,304.114	554,597.980	17 ⁰ 56'23,18"N	106 ⁰ 31'02,12"E
3	KN6	1,984,408.293	554,494.980	17 ⁰ 56'26,57"N	106 ⁰ 30'58,63"E
4	KN7	1,984,375.952	554,462.268	17 ⁰ 56'25,52"N	106 ⁰ 30'57,52"E
I.3	Khu nước kết nối				
1	KN3	1,984,263.336	554,556.735	17 ⁰ 56'21,85"N	106 ⁰ 30'00,72"E
2	KN4	1,984,271.773	554,565.268	17 ⁰ 56'22,13"N	106 ⁰ 31'01,01"E
3	KN7	1,984,375.952	554,462.268	17 ⁰ 56'25,52"N	106 ⁰ 30'57,52"E
4	BT4	1,984,138.798	554,524.369	17 ⁰ 56'17,80"N	106 ⁰ 30'59,61"E
5	BT3	1,984,064.517	554,505.065	17 ⁰ 56'15,39"N	106 ⁰ 30'58,94"E
6	BT2	1,983,951.847	554,535.386	17 ⁰ 56'11,72"N	106 ⁰ 30'59,96"E
7	KN8	1,983,916.239	554,570.612	17 ⁰ 56'10,56"N	106 ⁰ 31'01,16"E
8	BT1	1,983,797.180	554,688.398	17 ⁰ 56'06,68"N	106 ⁰ 31'05,15"E
9	BP2	1,983,836.036	554,781.247	17 ⁰ 56'07,96"N	106 ⁰ 31'08,31"E
10	KN2	1,983,082.712	554,735.315	17 ⁰ 56'15,96"N	106 ⁰ 31'06,77"E
I.4	Vũng quay tàu				
1	VQ	1,984,034.836	554,610.271	17 ⁰ 56'14,41"N	106 ⁰ 31'02,82"E
I.5	Trụ neo				
1	TN1	1,984,479.274	554,496.386	17 ⁰ 55'28,88"N	106 ⁰ 30'58,60"E

- Thời gian thi công: Đến hết ngày 28/3/2027

- Đặc điểm của các phương tiện thi công:

STT	Tên phương tiện	Số đăng ký	Loại phương tiện	Vùng hoạt động	Hạn GCN ATKT& BVMT PTTNĐ
1	Hải An 68	HT-1158	Tàu kéo	VR-SB	16/4/2026
2	Phú Xuân 16	HN-1864	Tàu kéo	VR-SB	17/6/2026
3	Phú Xuân 06	HN-1180	Chở hàng trên boong	VR-SB	18/3/2026

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành trình đi qua khu vực thi công công trình tăng cường các biện pháp cảnh giới, đảm bảo liên lạc, thực hiện tránh va với các phương tiện thi công theo quy định để đảm bảo an toàn hàng hải./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Các Cảng vụ Hàng hải/ Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- UBND xã Phú Trạch (p/h);
- Đoàn BP Roòn (p/h);
- Tổng CT BDATHH Việt Nam;
- Trung tâm PH TKCN HH Khu vực II;
- Cty TNHH MTV HTHH Miền Bắc – CN Hoa tiêu VI.
- Đại diện Hòn La (p/h);
- Phòng ATANHH (p/h);
- Website Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị;
- Lưu: VT, QLKCHT.

GIÁM ĐỐC



Phan Phùng Hải